

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3-VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2025/DS-ST
Ngày: 12 - 8 - 2025
“V/v T/c Hợp đồng bảo hiểm”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3-VĨNH LONG – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ T

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lương Phi H
- Ông Nguyễn Bá T

- Thư ký phiên tòa: Ông Kim Ngọc P – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh M – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 7 và 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3-Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 119/2024/TLST-DS, ngày 31/5/2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST - DS ngày 08 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1971 – Vắng mặt;

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ hiện nay: Ấp P, xã S, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Đ, sinh năm 2000 – Có mặt;

Địa chỉ: Khóm E, phường B, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản uỷ quyền số chứng thực 258, quyển số 1/2023-SCT/CK, ĐC ngày 14/8/2024);

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị T: Luật sư Nguyễn Anh T1 – Văn phòng Luật sư Nguyễn Anh T1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh V;

Địa chỉ: Khóm E, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Tổng công ty Cổ phần B1.

Địa chỉ: Số A T, Quận H, Hà Nội.

Địa chỉ hiện nay: Phường C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty Cổ phần B1: Ông Nguyễn Huy Q – chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị; Địa chỉ: Tầng A, tầng A, tòa nhà A Đ, quận B, Hà Nội; Địa chỉ hiện nay: Tầng A, tầng A, tòa nhà A Đ, phường B, Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Huy Q: Bà Bùi Thị Thanh X – chức vụ: Phó Tổng giám đốc phụ trách Ban điều hành Tổng công ty Cổ phần B1; Địa chỉ: Tầng A, tầng A, tòa nhà A Đ, quận B, Hà Nội; Địa chỉ hiện nay: Tầng A, tầng A, tòa nhà A Đ, phường B, Hà Nội (Theo văn bản uỷ quyền số: 1823/UQ-VBI10 ngày 18/6/2025);

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Bùi Thị Thanh X:

(1). Bà Nguyễn Thị T4 – Trưởng phòng bồi thường con người Văn Phòng M, Ban bồi thường -Tổng công ty Cổ phần B1 – Có mặt.

(2). Bà Lê Kim T2 – Chuyên viên phòng bồi thường con người – Có mặt.

(3). Ông Lê Văn Võ T3 – Chuyên viên V1 – Có mặt;

(4). Bà Nguyễn Thị Minh T4 – Chuyên viên Ban pháp chế - Có mặt.

Cùng địa chỉ: Số F, B, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ hiện nay: Số F, B, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản uỷ quyền số 1823/UQ-VBI10 ngày 18/6/2025).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

(1). Bà Phạm Thị P, sinh năm 1939 – Vắng mặt;

(2). Anh Nguyễn Văn T5, sinh năm 1992 – Vắng mặt;

(3). Chị Nguyễn Thị Diễm H, sinh năm 1996 – Vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ hiện nay: Ấp P, xã S, tỉnh Vĩnh Long.

(4). Chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1989 – Vắng mặt;

Người đại diện theo uỷ quyền của bà P, anh T5, chị H1 và chị H: Anh Lê Hoàng L, sinh năm 1987 – Có mặt;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long; Địa chỉ hiện nay: ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long (Theo văn bản uỷ quyền số chứng thực 196, quyền số 01/2024 (8) - SCT/CK, ĐC ngày 24/12/2024);

(5). Ngân hàng thương mại cổ phần Đ1;

Địa chỉ: A P, phường C, Quận P, thành phố Hồ Chí Minh. Nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1.

Địa chỉ trụ sở chính: Số G phố L, phường T, quận H, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Địa chỉ hiện nay: Số G phố L, phường C, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Xuân H2 – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Trần Xuân H2: Ông Huỳnh Minh T6 – Chức vụ: Giám đốc phòng G2 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Số H, đường N, Khóm E, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Địa chỉ hiện nay: Số H, đường N, Khóm C, phường B, tỉnh Vĩnh Long.

(Theo văn bản uỷ quyền số 4080/2025/QĐ-TGD ngày 27/6/2025 của Tổng giám đốc Ngân hàng TNHH MTV S1).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 5 năm 2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:* Vào ngày 12/8/2022, ông Nguyễn Văn G có tham gia bảo hiểm người vay vốn mở rộng thời hạn bảo hiểm từ 11 giờ 29 ngày 12/8/2022 đến 11 giờ 29 phút ngày 12/8/2023 (Thời hạn mua bảo hiểm là 01(một) năm). Ông G mua bảo hiểm của Tổng công ty Cổ phần B1 với số 1.350.000 đồng/ năm để đảm bảo cho khoản vay 300.000.000 đồng tại Ngân hàng Đ1 - Chi nhánh V2 – Phòng G2.

Đến ngày 22/7/2023, ông Nguyễn Văn G bị tai nạn giao thông và tử vong. Hiện nay khoản vay tại ngân hàng Đ1 của ông Nguyễn Văn G còn nợ là 225.00.000 đồng. Với số tiền cam kết chi trả do tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn là 300.000.000 đồng (Đây là sản phẩm bảo hiểm mua nhằm đảm bảo khoản vay cho hợp đồng vay trung hạn số N00.19/1222 vào ngày 12/8/2022 tại ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1 – Phòng G2. Sau khi ông G tử vong thì có đại diện của Tổng công ty Cổ phần B1 và Ngân hàng Đ1 có xuống để hỏi thăm vụ tạt nạn và anh Lê Văn V Tổng có nói sẽ hoàn thành thủ tục để chi trả tiền bảo hiểm là 300.000.000 đồng tiền bảo hiểm và 5.000.000 đồng tiền mai táng trước 49 ngày kể từ ngày ông giao mất. Đến ngày 20/12/2023, bà Nguyễn Anh T1 có đến liên hệ Bảo hiểm V3 thì gặp ông T3 trao đổi về việc chi trả thì được ông T3 đưa ra văn bản số 674/CV-VBI VPMN ngày 08/9/2023 về phương án giải quyết hồ sơ bảo hiểm của ông Nguyễn Văn G) về việc không đồng ý chi trả tiền bảo hiểm cho ông Nguyễn Văn G. Vợ chồng ông Nguyễn Văn G không được tư vấn về việc mua bảo hiểm khi có trường hợp rủi ro xảy ra và không nhận được Quy tắc bảo hiểm sức khoẻ người vay vốn mở rộng và giấy chứng nhận điện tử bảo hiểm người vay vốn mở rộng. Vợ chồng ông Nguyễn văn G mua bảo hiểm để được giải ngân cho khoản vay 300.000.000 đồng tại Ngân hàng Đ1 – chi nhánh V2 – Phòng G2 nên ông Nguyễn Văn G đứng ra mua bảo hiểm tại Tổng công ty Cổ phần B1. Khi ông Nguyễn Văn G chết thì bên Ngân hàng Đ1 – chi nhánh V2 mới đến gia đình ông Nguyễn Văn G đưa Quy tắc bảo hiểm sức khoẻ người vay vốn mở rộng và giấy chứng nhận điện tử bảo hiểm người vay vốn mở rộng. Đến nay Tổng công ty Cổ phần B1 không đồng ý trả cho ông Nguyễn Văn G số tiền bảo hiểm là 300.000.000 đồng. Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tổng công ty Cổ phần B1 phải trả cho ông Nguyễn Văn G (mất) số tiền là 302.000.000 đồng (*Ba trăm lẻ hai triệu đồng*). Trong đó: 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) tiền bảo hiểm và 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tiền mai táng.

Thời điểm ký kết hợp đồng mua bảo hiểm bên phía đại diện của Tổng công ty CP B1 không có giao bộ quy tắc bảo hiểm sức khỏe người vay vốn mở rộng, khi ông G mất thì gia đình mới liên hệ với Ngân hàng Đ1 thì được nhân viên Ngân hàng cung cấp giấy chứng nhận bảo hiểm và bộ Q1 bảo hiểm. Ông Nguyễn Văn G ký hợp đồng mua bán bảo hiểm tại Ngân hàng Đ1 cũ (nay là Ngân hàng TNHH MTV S1). Bên phía ông G không có được phía Tổng công ty CP B1 tư vấn về việc các điều khoản mua bảo hiểm sức khỏe vay vốn mở rộng chỉ được nhân viên ngân hàng Đ1 thông báo số tiền mua bảo hiểm là 1.350.000 đồng (*Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*) để đảm bảo cho khoản vay 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) thì mới được giải ngân.

* *Bị đơn là Tổng công ty Cổ phần B1 trình bày:* Ông Nguyễn Văn G có tham gia bảo hiểm tại Tổng công ty Cổ phần B1 mục đích là để đảm bảo sức khỏe cho người tham gia tham gia bảo hiểm để phòng khi có trường hợp rủi ro xảy ra. Khi ông Nguyễn Văn G có tham gia bảo hiểm thì bộ phận làm hồ sơ có giải thích cho ông Nguyễn Văn G rõ để đảm bảo quyền lợi cho mình. Bên phía người đại diện trình bày là sau khi ông G tử vong có đại diện Tổng công ty B1 và phía Ngân hàng Đ1 có đến thăm hỏi gia đình ông G nhưng không có sự việc khẳng định bên phía Tổng công ty Cổ phần B1 sẽ chỉ trả tiền bảo hiểm là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) và 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) chi phí mai táng trước 49 ngày kể từ ngày ông G tử vong. Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tổng công ty Cổ phần B1 trả số tiền bảo hiểm là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) thì phía Tổng công ty Cổ phần B1 không đồng ý và cũng không đồng ý chịu chi phí mai táng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho ông Nguyễn Văn G. Lý do Tổng công ty Cổ phần B1 không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn do ông Nguyễn Văn G đã quy phạm Quy tắc bảo hiểm sức khỏe người vay vốn mở rộng là ông Nguyễn Văn G tham gia giao thông không có giấy phép lái xe theo quy định của pháp luật. Khi ông Nguyễn Văn G còn sống ông G đã được Ngân hàng Đ1 – chi nhánh V4 Giấy chứng nhận điện tử bảo hiểm người vay vốn mở rộng.

Tổng công ty CP B1 không thoả thuận được với người kế thừa quyền lợi của khách hàng Nguyễn Văn G về việc tranh chấp hợp đồng mua bảo hiểm. Vẫn giữ lời trình bày tại ngày 10/02/2025, đến thời điểm này thì Bộ Quy tắc bảo hiểm sức khỏe người vay vốn mở rộng số 1369 ngày 17/7/2018 vẫn còn hiệu lực. Trước khi ký hợp đồng với khách hàng Nguyễn Văn G thì bên bộ phận tư vấn khách của Ngân hàng Đ1 cũ có tư vấn cho khách hàng ông Nguyễn Văn G rõ hợp đồng mua bảo hiểm nên ông G đồng ý với giấy yêu cầu bảo hiểm người vay vốn và có ký xác nhận. Bên phía Tổng công ty CP B1 cung cấp bộ Q1 bảo hiểm người vay vốn mở rộng cho Ngân hàng Đ1 cũ để giao cho khách hàng do bên phía Ngân hàng Đ1 cũ làm đại lý cho Tổng công ty bảo hiểm trong việc mua bán bảo hiểm. Bộ Q1 bảo hiểm người vay vốn mở rộng được thể hiện tại giấy yêu cầu bảo hiểm người vay vốn ngày 12/8/2022 nên không có làm biên bản giao bộ Q1 bảo hiểm người vay vốn mở rộng. Đối với phía Ngân hàng TNHH MTV S1 (Ngân hàng Đ1 cũ) thì hai bên thoả thuận về việc bồi thường cũng như giải quyết khiếu nại cho khách hàng thuộc trách nhiệm của Tổng công ty CP B1.

Ông Nguyễn Văn G đã vi phạm quy tắc bảo hiểm sức khỏe người vay vốn mở rộng quy định tại điều 7 của bộ Q1 và ông G cũng vi phạm quy định về điều

khiển phương tiện giao thông đường bộ không có giấy phép lái xe đề nghị Toà án nhân dân khu vực 3-Vĩnh Long xem xét đề giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi cho Tổng công ty CP B1.

** Tại Công văn số 12/2025/CV-BMH, ngày 30/6/2025 Ngân hàng TNHH MTV S1 chi nhánh V2 – Phòng G2 trình bày:* Theo nội dung thoả thuận hợp tác thì Tổng công ty cổ phần B1 chịu trách nhiệm giải quyết mọi khiếu nại và bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm cũng như giải quyết các yêu cầu, khiếu nại của khách hàng do Ngân hàng giới thiệu.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

** Người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị T trình bày:* Nay bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tổng công ty Cổ phần B1 phải trả cho người thụ hưởng của ông Nguyễn Văn G (mất) số tiền là 302.000.000 đồng (*Ba trăm lẻ hai triệu đồng*). Trong đó: 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) tiền bảo hiểm và 2.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) tiền mai táng. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

** Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:* Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét có đủ căn cứ xác định lỗi của cán bộ tư vấn bảo hiểm cho khách hàng chưa đầy đủ. Nguyên nhân tử vong của ông G là do ông G1 chạy xe ngược chiều dẫn đến tử vong nên có đủ cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu B Công ty bảo hiểm chi trả tiền bồi thường là 302.000.000 đồng (*Ba trăm lẻ hai triệu đồng*). Trong đó: 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) tiền bảo hiểm và 2.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) tiền mai táng. Ngoài ra, không yêu cầu gì thêm.

** Anh Lê Hoàng L là người đại diện theo uỷ quyền của bà P, anh T5, chị H1 và chị H trình bày:* Anh L thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị T và không có ý kiến trình bày bổ sung.

** Người đại diện theo uỷ quyền của Tổng công ty Cổ phần B1 bà Nguyễn Thị Minh T4 trình bày:* Tổng công ty Cổ phần B1 không đồng ý chi trả bồi thường bảo hiểm là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) và chi phí mai táng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho ông Nguyễn Văn G. Lý do Tổng công ty Cổ phần B1 không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn do ông Nguyễn Văn G đã quy phạm Quy tắc bảo hiểm sức khoẻ người vay vốn mở rộng là ông Nguyễn Văn G tham gia giao thông không có giấy phép lái xe theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, Tổng công ty Cổ phần B1 tự nguyện hỗ trợ gia đình ông G số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

** Người đại diện theo uỷ quyền của Tổng công ty Cổ phần B1 bà Nguyễn Thị T4 trình bày:* Tổng công ty Cổ phần B1 không đồng ý chi trả bồi thường bảo hiểm là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) và chi phí mai táng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho ông Nguyễn Văn G. Lý do Tổng công ty Cổ phần B1 không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn do ông Nguyễn Văn G đã quy phạm Quy tắc bảo hiểm sức khoẻ người vay vốn mở rộng là ông Nguyễn Văn G tham gia giao thông không có giấy phép lái xe theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, Tổng công ty Cổ phần B1 tự nguyện hỗ trợ gia đình ông G số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

* *Người đại diện theo uỷ quyền của Tổng công ty Cổ phần B1 ông Lê Văn Võ T3 trình bày:* Tổng công ty Cổ phần B1 không đồng ý chi trả bồi thường bảo hiểm là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) và chi phí mai táng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho ông Nguyễn Văn G. Lý do Tổng công ty Cổ phần B1 không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn do ông Nguyễn Văn G đã quy phạm Quy tắc bảo hiểm sức khoẻ người vay vốn mở rộng là ông Nguyễn Văn G tham gia giao thông không có giấy phép lái xe theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, Tổng công ty Cổ phần B1 tự nguyện hỗ trợ gia đình ông G số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

* *Người đại diện theo uỷ quyền của Tổng công ty Cổ phần B1 bà Lê Kim T2 trình bày:* Tổng công ty Cổ phần B1 không đồng ý chi trả bồi thường bảo hiểm là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*) và chi phí mai táng 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) cho ông Nguyễn Văn G. Lý do Tổng công ty Cổ phần B1 không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn do ông Nguyễn Văn G đã quy phạm Quy tắc bảo hiểm sức khoẻ người vay vốn mở rộng là ông Nguyễn Văn G tham gia giao thông không có giấy phép lái xe theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, Tổng công ty Cổ phần B1 tự nguyện hỗ trợ gia đình ông G số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3-Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

- Về xác định quan hệ tranh chấp: Đối tượng tranh chấp của vụ án Hợp đồng bảo hiểm được ký kết tại thị xã B (nay là phường B) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thẩm quyền thụ lý: Do tranh chấp ở thị xã B (Nay là phường B) nên Tòa án thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc phân công Thẩm phán giải quyết vụ án: Hồ sơ có Quyết định phân công thẩm phán thụ lý vụ án theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47, Điều 48, khoản 1, 2 Điều 197 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Trình tự thụ lý đơn khởi kiện: Đã thực hiện đúng theo quy định Điều 191, Điều 195, Điều 196 và Điều 197 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Xác định tư cách tham gia tố tụng: Tòa án đã xác định đúng tư cách tham gia tố tụng như theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc giao nộp tài liệu chứng cứ và cấp tổng đạt thông báo văn bản tố tụng: Được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 96, Điều 175, 177 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên việc gửi thông báo thụ lý vụ án cho đương sự là chưa đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát cùng cấp đúng theo quy định của pháp luật.

- Tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tổ chức các phiên hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự có thể thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết nội dung vụ án đảm bảo theo quy định tại Điều 205, từ Điều 208 đến Điều 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tòa án thực hiện chưa đúng thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Quyết định đưa vụ án ra xét xử đầy đủ nội dung, thành phần tiến hành tố tụng và gửi cho Viện kiểm sát đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, Viện kiểm sát cùng cấp: thực hiện đúng quy định tại Điều 22; Điều 170 đến Điều 175, Điều 177, Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc lập hồ sơ vụ thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203, Điều 204, Điều 220 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ án. Thành phần Hội đồng xét xử, Thư ký đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

3. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

- Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Đối với bị đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án và người đại diện chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 73, Điều 86 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

4. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng khác: Từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại người đại diện theo ủy quyền cho đương sự đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 78, 86 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

II. Về việc giải quyết vụ án dân sự:

* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T (người đại diện theo ủy quyền chị Nguyễn Thị Ngọc Đ) trình bày: Vào ngày 12/8/2022, ông Nguyễn Văn G có tham gia bảo hiểm người vay vốn mở rộng thời hạn bảo hiểm từ 11 giờ 29 ngày 12/8/2022 đến 11 giờ 29 phút ngày 12/8/2023 (Thời hạn mua bảo hiểm là 01 năm). Ông G mua bảo hiểm của Tổng công ty Cổ phần B1 với số 1.350.000 đồng/ năm để đảm bảo

cho khoản vay 300.000.000 đồng tại Ngân hàng Đ1 - Chi nhánh V2 - Phòng G2. Đến ngày 22/7/2023, ông G bị tai nạn giao thông và tử vong tại hiện trường.

Hiện nay khoản vay tại ngân hàng Đ1 của ông G còn nợ là 225.00.000 đồng. Với số tiền cam kết chi trả do tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn là 300.000.000 đồng (Đây là sản phẩm bảo hiểm mua nhằm đảm bảo khoản vay cho hợp đồng vay trung hạn số N00.19/1222 vào ngày 12/8/2022 tại ngân hàng Đ1-Chi nhánh V2 - Phòng G2).

Sau khi ông G tử vong thì có đại diện của VBI và Ngân hàng Đ1 có xuống để hỏi thăm vụ tai nạn và anh Lê Văn V Tòng có nói sẽ hoàn thành thủ tục để chi trả tiền bảo hiểm là 300.000.000 đồng tiền bảo hiểm và 5.000.000 đồng tiền mai táng trước 49 ngày kể từ ngày ông G mất. Đến ngày 20/12/2023, chị Nguyễn Anh T1 có đến liên hệ Bảo hiểm V3 thì gặp ông T3 trao đổi về việc chi trả thì được ông T3 đưa ra văn bản số 674/CV-VBI VPMN ngày 08/9/2023 về phương án giải quyết hồ sơ bảo hiểm của ông G về việc không đồng ý chi trả tiền bảo hiểm cho ông G. Vợ chồng ông G không được tư vấn về việc mua bảo hiểm khi có trường hợp rủi ro xảy ra và không nhận được Quy tắc bảo hiểm sức khỏe người vay vốn mở rộng và giấy chứng nhận điện tử bảo hiểm người vay vốn mở rộng. Vợ chồng ông G mua bảo hiểm để được giải ngân cho khoản vay 300.000.000 đồng tại Ngân hàng Đ1 - Chi nhánh V2 - Phòng G2 nên ông G đứng ra mua bảo hiểm tại Tổng công ty Cổ phần B1.

Khi ông G mất thì bên Ngân hàng Đ1 - Chi nhánh V2 mới đến gia đình ông G đưa Quy tắc bảo hiểm sức khỏe người vay vốn mở rộng và giấy chứng nhận điện tử bảo hiểm người vay vốn mở rộng. Đến nay VBI không đồng ý trả cho ông G số tiền bảo hiểm là 300.000.000 đồng. Nay chị T yêu cầu Tổng công ty Cổ phần B1 phải trả cho ông G (mất) số tiền là 302.000.000 đồng, trong đó: 300.000.000 đồng tiền bảo hiểm và 2.000.000 đồng tiền mai táng.

** Bị đơn Tổng Công ty Cổ phần B1 trình bày:* Ngày 12/8/2022, ông Nguyễn Văn G có tham bảo hiểm tại Tổng công ty Cổ phần B1 mục đích là để đảm bảo sức khỏe cho người tham gia tham gia bảo hiểm để phòng khi có trường hợp rủi ro xảy ra. Khi ông G tham gia bảo hiểm thì bộ phận làm hồ sơ có giải thích cho ông G rõ để đảm bảo quyền lợi cho mình. Bên phía chị T trình bày là sau khi ông G tử vong có đại diện Tổng công ty B1 và phía Ngân hàng Đ1 có đến thăm hỏi gia đình ông G là có nhưng không có sự việc khẳng định bên phía Tổng công ty Cổ phần B1 sẽ chi trả tiền bảo hiểm là 300.000.000 đồng và 5.000.000 đồng chi phí mai táng trước 49 ngày kể từ ngày ông G tử vong.

Khi ông G còn sống đã được Ngân hàng Đ1 - Chi nhánh V4 Giấy chứng nhận điện tử bảo hiểm người vay vốn mở rộng, sau khi ông G mất Ngân hàng Đ1 chỉ giao Giấy chứng nhận điện tử bảo hiểm người vay vốn mở rộng cung cấp lại cho ông gia đình ông G.

Đối với yêu cầu của chị T yêu cầu VBI chi trả số tiền bảo hiểm là 300.000.000 đồng thì phía VBI không đồng ý và cũng không đồng ý chịu chi phí mai táng 2.000.000 đồng cho ông G. Lý do là do ông G đã quy phạm Quy tắc bảo

hiểm sức khoẻ người vay vốn mở rộng là ông G tham gia giao thông không có giấy phép lái xe theo quy định của pháp luật.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- *Người đại diện hợp pháp của bà P, anh T5 và chị H là anh Lê Hoàng L: Thống nhất theo toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T.*

- Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1 anh Huỳnh Minh T6 trình bày: Ngân hàng đã hợp tác với VBI thực hiện các công việc sau:

Giới thiệu, chào bán và bán các sản phẩm bảo hiểm mà VBI được phép kinh doanh trong mạng lưới hoạt động của Ngân hàng đến khách hàng có nhu cầu.

Thực hiện việc thu phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn đối với các hợp đồng bảo hiểm được chào bán thông qua hệ thống phân phối của Ngân hàng vào tài khoản chỉ định.

Theo nội dung thỏa thuận hợp tác thì VBI chịu trách nhiệm giải quyết mọi khiếu nại và bồi thường theo Hợp đồng bảo hiểm cũng như giải quyết các yêu cầu, khiếu kiện của Khách hàng do Ngân hàng giới thiệu.

Vì những nội dung trên, Ngân hàng xin được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử trong quá trình giải quyết của vụ án.

Tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án buộc Công ty cổ phần B1 trả tiền bảo hiểm 300.000.000 đồng và 2.000.000 đồng tiền chi phí mai táng.

- Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn không đồng ý theo yêu cầu nguyên đơn. Trong trường hợp nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện Công ty cổ phần B1 sẽ hỗ trợ gia đình nạn nhân 40.000.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử xem xét, ý kiến trình bày của các đương sự tại phiên tòa dân sự sơ thẩm nhận thấy:

- Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, yêu cầu VBI chi trả tiền bảo hiểm cho ông Nguyễn Văn G bị tai nạn giao thông tử vong vào ngày 22/7/2023 với tổng số tiền 300.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận, bởi các lý do sau:

Hợp đồng bảo hiểm Người vay vốn giữa ông Nguyễn Văn G và Công ty V5 là hợp đồng dân sự nên được điều chỉnh bởi pháp luật dân sự và căn cứ vào thỏa thuận các bên khi giao kết hợp đồng. Tại Giấy chứng nhận điện tử bảo hiểm vay vốn người mở rộng số 0210220535817 (của ông Nguyễn Văn G) quy định điều kiện bảo hiểm: Theo Quy tắc bảo hiểm sức khoẻ người vay vốn mở rộng, ban hành kèm theo quyết định số 1369/QĐ-VB16 ngày 17/7/2018 của Tổng giám đốc Công ty V3.

Tại mục vii, điểm d, Điều 7 Quy tắc bảo hiểm người vay vốn mở rộng, ban hành kèm theo Quyết định số 1369/QĐ – VB16 ngày 17/7/2018 của Tổng giám đốc Công ty V3 quy định: “Điều 7: Các điều khoản loại trừ bảo hiểm: *VBI không chịu trách nhiệm trả tiền bảo hiểm đối với các rủi ro hay hậu quả rủi ro nguyên nhân trực tiếp từ các trường hợp sau:*

d. Người được bảo hiểm có hành vi cố ý vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm trong Luật giao thông đường bộ, pháp luật khác và hành vi này là nguyên nhân trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến sự kiện bảo hiểm, bao gồm các trường hợp sau:

vii. Điều khiển phương tiện giao thông không có giấy phép lái xe/tàu hoặc chứng chỉ hành nghề theo quy định ”.

Căn cứ vào nội dung trên có thể được hiểu: VBI không chịu trách nhiệm trả chi tiền bảo hiểm khi thỏa mãn đủ 02 điều kiện: một là, người mua bảo hiểm cố ý phạm các hành vi bị nghiêm cấm trong Luật giao thông đường bộ, pháp luật khác; hai là, hành vi này phải là nguyên nhân trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến sự kiện bảo hiểm. Đối chiếu quy định trên xét thấy: người mua bảo hiểm là ông Nguyễn Văn G đã vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm trong Luật giao thông đường bộ cụ thể là khoản 9 Điều 8 Luật giao thông đường bộ, tương ứng với mục vii, điểm d, Điều 7 Quy tắc bảo hiểm người vay vốn mở rộng, ban hành kèm theo Quyết định số 1369/QĐ – VB16 là điều khiển phương tiện giao thông đường bộ không có giấy phép lái xe theo quy định. Tuy nhiên, hành vi của ông G không thỏa mãn điều kiện thứ hai: phải là nguyên nhân trực tiếp hoặc gián tiếp dẫn đến sự kiện bảo hiểm. Nếu hợp đồng chỉ loại trừ trong trường hợp người được bảo hiểm “cố ý vi phạm pháp luật” hoặc “cố ý gây ra rủi ro”, thì trường hợp của ông G không rơi vào phạm vi này, vì ông G không có hành vi cố ý và cũng không gây ra rủi ro dẫn đến tai nạn.

Hơn nữa, về nguyên tắc “bảo hiểm rủi ro”: Hợp đồng bảo hiểm có mục đích bồi thường khi rủi ro xảy ra ngoài ý muốn của người được bảo hiểm, việc áp dụng loại trừ cần có chứng minh hành vi vi phạm của người được bảo hiểm là nguyên nhân trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra sự kiện bảo hiểm. Trong vụ án trên, V6 viện dẫn lý do “không có giấy phép lái xe” của ông G để từ chối việc chi trả bảo hiểm là chưa xem xét yếu tố “mối quan hệ nhân quả” giữa việc không có giấy phép lái xe và tai nạn. Ở đây, tai nạn không phải do ông G không có giấy phép lái xe, mà do hành vi vi phạm pháp luật của người khác. Do đó việc VBI từ chối chi trả bảo hiểm trong khi ông G không có lỗi là không có cơ sở.

Vì vậy, hợp đồng bảo hiểm giữa ông G và Tổng Công ty CP B1, ký ngày 12/8/2022 (Giấy chứng nhận điện tử bảo hiểm người vay vốn mở rộng, BL 102) vẫn đang có hiệu lực. Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm 2022 và các điều khoản hợp đồng bảo hiểm đã ký, ông G hoàn toàn đủ điều kiện nhận quyền lợi bảo hiểm 300.000.000 đồng. Do đó, Tổng Công ty CP B1 có nghĩa vụ chi trả số tiền bảo hiểm này cho người thụ hưởng theo hợp đồng.

- Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị T7 yêu cầu BVI chi trả tiền trợ cấp mai tang phí là 2.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận, bởi vì trong hợp đồng bảo hiểm được ký kết không có quy định việc chi trả tiền hỗ trợ mai tang phí, nên không có cơ sở để buộc bị đơn chi trả số tiền trên.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên buộc bị đơn là Tổng công ty cổ phần B2 hiêm Ngân hàng thương mại cổ phần B1 nộp 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bà Nguyễn Thị T nộp 300.000 đồng.

Từ những phân tích trên, quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án như sau:

Áp dụng:

Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 401, Điều 406, Điều 409 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 16, Điều 17, Điều 19, Điều 20, Điều 22, Điều 24, Điều 32 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2022.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, buộc Tổng công ty cổ phần B1 có nghĩa vụ trả thay ông Nguyễn Văn G khoản vay cho hợp đồng vay trung hạn số N00.19/1222 vào ngày 12/8/2022 giữa ông Nguyễn Văn G với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1-Chi nhánh V2 - Phòng G2 (Nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1) tổng số dư nợ còn lại là 227.102.055 đồng và trả cho gia đình ông Nguyễn Văn G số tiền bảo hiểm còn lại là 72.897,954 đồng. Tổng số tiền chi trả là 300.000.000 đồng.

- Sau khi Tổng công ty cổ phần B1 thanh toán số tiền bảo hiểm xong, buộc Ngân hàng TNHH một thành viên S1 tất toán hợp đồng vay, trả lại tài sản thế chấp cho gia đình ông Nguyễn Văn G.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc buộc Tổng công ty cổ phần B1 trả 2.000.000 đồng tiền chi phí mai táng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Tổng công ty cổ phần B1 nộp 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Buộc bà Nguyễn Thị T nộp 300.000 đồng.

III. Yêu cầu khắc phục vi phạm: Kiến nghị Tòa án khắc phục vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử trong những vụ án sau để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Đối tượng tranh chấp của vụ án Hợp đồng bảo hiểm được ký kết tại thị xã B (nay là phường B) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long) theo quy định tại điểm Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tổng công ty Cổ phần B1 phải trả cho hợp đồng bảo hiểm của ông Nguyễn Văn G (đã mất) số tiền là 302.000.000 đồng (*Ba trăm lẻ hai triệu đồng*). Trong đó: 300.000.000 đồng (*Ba trăm lẻ hai triệu đồng*) tiền bảo hiểm và 2.000.000 đồng tiền mai táng.

Ngày 12/08/2022, ông Nguyễn Văn G đã yêu cầu tham gia bảo hiểm Người vay vốn theo Giấy yêu cầu bảo hiểm ký ngày 12/08/2022. Theo yêu cầu này, VBI đã cấp Giấy chứng nhận điện tử bảo hiểm người vay vốn (“GCNBH”) số 0210220535817 ngày 12/0/2022 cho ông Nguyễn Văn G với các nội dung cụ thể như sau:

Người được bảo hiểm: Ông Nguyễn Văn Giao S ngày: 07/07/1966 thời hạn bảo hiểm: Từ 11:29 ngày 12/08/2022 đến 11:29 ngày 12/08/2023 Điều kiện, điều khoản bảo hiểm: Theo Quy tắc bảo hiểm sức khỏe người vay vốn mở rộng, ban hành theo Quyết định số 1369/QĐ-VBI6 ngày 17/07/2021 của Tổng giám đốc VBI (“Quy tắc bảo hiểm”).

Quyền lợi bảo hiểm: Điều kiện A: Tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tai nạn là 300.000.000 đồng; Điều lệ B: Tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn do bệnh, biến chứng thai sản (không bao gồm bệnh đặc biệt và bệnh có sẵn) là 300.000.000 đồng.

Căn cứ vào Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 22 tháng 7 năm 2023; Thông báo kết quả nguồn tin về tội phạm số 70/TB-CQĐT, ngày 25/9/2023 của Công an điều tra huyện T và kết luận số 516/KLGĐTT-KTHS, ngày 24/7/2023 của phòng K công an tỉnh V xác định lỗi và nguyên nhân tử vong của ông Nguyễn Văn G là:

- Ông Nguyễn Văn G điều khiển xe mô tô biển số 60X3-6583 khi tham gia giao thông đã đi đúng làn đường theo quy định, do đó không vi phạm Quy tắc giao thông đường bộ (Không có lỗi). Nguyên nhân chết của nạn nhân Nguyễn Văn G là do bị tắc đường hô hấp gây ngạt/đa chấn thương vùng đầu, mặt. Như vậy, trong trường hợp này, cơ quan có thẩm quyền đã kết luận nguyên nhân tử vong của ông Nguyễn Văn G từ vụ tai nạn giao thông va chạm giữa hai xe do ông Nguyễn Tuyên G1 điều khiển xe biển số 64E1-278.58 với xe ông Nguyễn Văn G điều khiển biển số 60X3-6583, nguyên nhân do ông Nguyễn Tuyên G1 đi trên đoạn đường cấm và đi ngược chiều là vi phạm khoản 1 Điều 11 Luật giao thông đường bộ gây hậu quả ông Nguyễn Văn G tử vong. Đồng thời, về nguyên tắc “bảo hiểm rủi ro”: Hợp đồng bảo hiểm có mục đích bồi thường khi rủi ro xảy ra ngoài ý muốn của người được bảo hiểm, việc áp dụng loại trừ cần có chứng minh hành vi vi phạm của người được bảo hiểm là nguyên nhân trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra sự kiện bảo hiểm. Trong vụ án trên, V6 viện dẫn lý do “không có giấy phép lái xe” của ông G để từ chối việc chi trả bảo hiểm là chưa xem xét yếu tố “mối quan hệ nhân quả” giữa việc không có giấy phép lái xe và tai nạn. Ở đây, tai nạn không phải do ông G không có giấy phép lái xe, mà do hành vi vi phạm pháp luật của người khác. Do đó việc VBI từ chối chi trả bảo hiểm trong khi ông G không có lỗi là không có cơ sở. Do đó khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra thì phía bị đơn phải có nghĩa vụ chi trả số tiền bảo hiểm cho nguyên đơn như đã thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm.

Công ty V3 cho khách hàng phải có nghĩa vụ tư vấn đầy đủ các điều kiện khi tham gia bảo hiểm và trường hợp rủi xảy ra thì trường hợp nào khách hàng được chi trả quyền lợi bảo hiểm, trường hợp nào không được chi trả quyền lợi bảo hiểm cho khách hàng nắm đầy đủ thông tin và Công ty B1 trước khi ký Hợp đồng bảo hiểm với khách hàng phải kiểm tra thông tin từ khách hàng đã đủ điều kiện tham gia bảo hiểm thì mới đến ký Hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp tử vong của ông Nguyễn Văn G là do công ty B1 không kiểm tra đầy đủ điều kiện của khách hàng trước khi ký Hợp đồng bảo hiểm nên việc ông G tử vong do tai nạn giao thông thì buộc Công ty B1 phải có trách nhiệm bồi thường theo đúng thoả thuận của Giấy chứng nhận điện tử bảo hiểm người vay vốn (“GCNBH”) số 0210220535817 ngày 12/0/2022. Việc Công ty B1 liên tục từ chối chi trả quyền lợi bảo hiểm của người thụ hưởng khi sự kiện pháp lý được quy định trong hợp đồng bảo hiểm xảy ra làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người mua bảo hiểm. Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn chi trả quyền lợi bảo hiểm với số tiền 300.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu B bị đơn chi trả số tiền 2.000.000 đồng mai táng phí không có trong thoả thuận chi trả quyền lợi khách hàng khi tham gia bảo hiểm không có căn cứ nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Luật sư bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày là có căn cứ nên được chấp nhận một phần.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc Tổng công ty Cổ phần B1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

- Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), bà Nguyễn Thị T được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012717, ngày 30/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 3-Vĩnh Long). Vậy bà T đã nộp xong án phí và được nhận lại số tiền 7.250.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 401, Điều 406, Điều 409 của Bộ luật dân sự năm 2015.
- Điều 16, Điều 17, Điều 19, Điều 20, Điều 22, Điều 24, Điều 32 của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2022.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T, buộc Tổng công ty cổ phần B1 có nghĩa vụ trả thay ông Nguyễn Văn G khoản vay cho hợp đồng vay trung hạn số N00.19/1222 vào ngày 12/8/2022 giữa ông Nguyễn Văn G với Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ1-Chi nhánh V2 - Phòng G2 (Nay là Ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên S1) tổng số dư nợ còn lại là 227.102.055 đồng (*Hai trăm, hai mươi bảy triệu, một trăm lẻ hai nghìn, không trăm năm mươi lăm đồng*) và trả cho gia đình ông Nguyễn Văn G số tiền bảo hiểm còn lại là 72.897.954 đồng (*Bảy mươi hai triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn, chín trăm năm mươi bốn đồng*). Trong tổng số tiền chi trả là 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Nguyên đơn mà Bị đơn chưa trả xong số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi trả chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015.

- Sau khi Tổng công ty cổ phần B1 thanh toán số tiền bảo hiểm xong, buộc Ngân hàng TNHH một thành viên S1 tất toán hợp đồng vay, trả lại tài sản thế chấp cho gia đình ông Nguyễn Văn G.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc buộc Tổng công ty cổ phần B1 trả 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tiền chi phí mai táng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc Tổng công ty Cổ phần B1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

- Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), bà Nguyễn Thị T được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012717, ngày 30/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 3-Vĩnh Long). Vậy bà T đã nộp xong án phí và được nhận lại số tiền 7.250.000 đồng (*Bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án án. Đối với các đương sự vắng thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL: 01
- VKSND KV3-VL: 01
- Phòng THADS KV3-VL: 01
- Đương sự: 10

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Lưu: 04

Nguyễn Thị Lệ T